

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HS-ST
Ngày 16 tháng 01 năm 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Toàn.

Thẩm phán: Ông Trương Quyết Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Lập.
2. Ông Vũ Đức Chung.
3. Ông Sần Quang Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Nhật Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 47/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3015/2024/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lương Văn T, sinh ngày 30 tháng 12 năm 1986 tại huyện Hạ Hoà, tỉnh PT.

Nơi cư trú: Khu 1, xã HL, huyện HH, tỉnh PT; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lương Xuân T1 và bà Nguyễn Thị H; Có vợ là Phan Thị Ch và có 02 con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị bắt tạm giữ từ ngày 24/6/2024 và bị tạm giam từ ngày 03/7/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Xuân B (Vắng mặt); Ông Đào Văn B1 (Có mặt); Bà Phạm Thị Quỳnh Nh (Vắng mặt) - Luật sư Công ty luật TNHH Aladin thuộc Đoàn luật sư Hà Nội.

Địa chỉ: Số 15E lô A10, phường NC, Khu đô thị Nam TY, CG, Hà Nội.

2. Họ và tên: Vi Thị V, sinh ngày 24 tháng 9 năm 1997 tại huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang.

Nơi cư trú: Thôn ĐM, xã PS, huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vi Văn H1 (đã chết) và bà Lục Thị T2; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị bắt tạm giữ từ ngày 24/6/2024 và bị tạm giam từ ngày 03/7/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Xuân T3 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt.

3. Họ và tên: Vi Thị D, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2000 tại huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang.

Nơi cư trú: Thôn ĐM, xã PS, huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vi Văn H1 (đã chết) và bà Lục Thị T2; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị bắt tạm giữ từ ngày 25/6/2024 và bị tạm giam từ ngày 04/7/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Hoàng Thị Diễm H2 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt.

4. Họ và tên: Vi Thị Ng, sinh ngày 21 tháng 01 năm 2003 tại huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang.

Nơi cư trú: Thôn ĐM, xã PS, huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vi Văn H1 (đã chết) và bà Lục Thị T2; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị bắt tạm giữ từ ngày 25/6/2024 và bị tạm giam từ ngày 04/7/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Hoàng Thị Diễm H2 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt.

5. Họ và tên: Vi Thị Ng1, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2005 tại huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang.

Nơi cư trú: Thôn ĐM, xã PS, huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vi Văn H1 (đã chết) và bà Lục Thị T2; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị bắt tạm giữ từ ngày 25/6/2024 và bị tạm giam từ ngày 04/7/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Đỗ Thị Lan O - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt.

6. Họ và tên: Hoàng Thị Kh, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2003 tại huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

Nơi cư trú: Thôn ĐM, xã BĐ, huyện LN, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nữ; Tôn

giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn S và bà Hoàng Thị B1; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị bắt tạm giữ từ ngày 25/6/2024 và bị tạm giam từ ngày 04/7/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- Bị hại:

1. WANG ZHONGSHENG (Hoàng Chung S1), sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Số 186, đường LP, thôn LP, làng tự nhiên LP, trấn LP, huyện KĐ, thành phố KH, tỉnh CG, Trung Quốc. Vắng mặt.

2. FANG YUJUN (Phương Vũ Q), sinh năm 1986.

Nơi cư trú: Số 27, đường TN, thôn PS, trấn LP, quận KĐ, thành phố KH, tỉnh CG, Trung Quốc. Vắng mặt.

3. HUANG YIKAI (Hoàng Dịch K), sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Số 59, đường CH, thôn NH, trấn T, huyện KĐ, thành phố KH, tỉnh CG, Trung Quốc. Vắng mặt.

4. SHENG YUNHUA (Thịnh Vân H3), sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Số 23, đường DL, thôn LN, thị trấn LH, huyện KĐ, thành phố KH, tỉnh CG, Trung Quốc. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của các bị hại: CHEN XIAOLING (Trần Tiểu L), sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Số 12, đường NL, thành phố ĐD, tỉnh CG, Trung Quốc. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Hoàng Thị M, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: Thôn ĐM, xã BĐ, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

+ Chị Phan Thị Ch, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Khu 1, xã HL, huyện HH, tỉnh PT. Có mặt.

+ Chị Vi Thị Tr, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Thôn S 3, xã HS, huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

+ Ông Hoàng Văn Th, sinh năm 1961.

Nơi cư trú: Tổ dân phố AT, thị trấn PL, huyện BT, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

+ Chị Chảo Mùi N, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Thôn TL, thị trấn TL, huyện BT, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Hải H4, sinh năm 2006.

Nơi cư trú: Thôn MĐ, xã TN, huyện BT, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

+ Chị Trần Thị V, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Thôn MĐ, xã TN, huyện BT, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

+ Chị Hoàng Thị C, sinh năm 1971.

Nơi cư trú: Thôn C 1, xã CC, huyện BY, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

+ Anh Tạ Duy T4, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Tổ dân phố số 1, thị trấn PL, huyện BT, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

+ Chị Phạm Thị H5, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Thôn TT, xã GP, huyện BT, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

+ Anh Phạm Duy Ch1, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Số nhà 66, đường 19/5, tổ dân phố số 3, thị trấn PL, huyện BT, tỉnh Lào Cai. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 3/2024, FANG YUJUN (Phương Vũ Q), sinh năm 1986, trú tại huyện KH, tỉnh CG, Trung Quốc có quen biết với Vi Thị V và nhờ V giới thiệu phụ nữ cho một số người đàn ông Trung Quốc đang có nhu cầu muốn lấy vợ người Việt Nam, V đồng ý. Sau đó, FANG YUJUN có liên hệ với Trần Tiểu L (sinh năm 1981, trú tại: Thành phố ĐD, tỉnh CG, Trung Quốc) thông báo có quen biết với người Việt Nam có thể tìm phụ nữ Việt Nam làm vợ, FANG YUJUN có giới thiệu Trần Tiểu L cho V để hai người làm quen với nhau, chủ động trao đổi với nhau về việc môi giới hôn nhân cho người Trung Quốc. Hai bên thống nhất Trần Tiểu L sẽ đưa những người đàn ông Trung Quốc sang Việt Nam qua Cửa khẩu quốc tế Lào Cai. V sẽ đón họ rồi đưa đi gặp mặt những cô gái Việt Nam, nếu đồng ý thì sẽ làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật hai nước và khi hoàn thành thủ tục xong thì mỗi người phải trả 60.000CNY. Sau khi hai bên đã thống nhất, Trần Tiểu L liên hệ được 04 người Trung Quốc gồm: Hoàng Trung S1 (sinh năm 1980), Phương Vũ Q (sinh năm 1986), Thịnh Văn H3 (sinh năm 1985), Hoàng Dịch K (sinh năm 1992). Tất cả đều sống tại thành phố CG, tỉnh CG, Trung Quốc có nhu cầu tìm vợ người Việt Nam và cùng nhau sang Việt Nam để gặp mặt.

Đối với Vi Thị V, sau khi thống nhất với Trần Tiểu L thì V đã gặp và trao đổi với Lương Văn T về việc môi giới hôn nhân cho những người đàn ông Trung Quốc có nhu cầu tìm vợ người Việt Nam. T thấy số tiền 60.000CNY để môi giới hôn nhân là ít, trừ đi các chi phí thì không còn được bao nhiêu, nên T đã bảo V trao đổi lại với Trần Tiểu L để tăng số tiền lên 80.000CNY/1 người, nhưng Trần Tiểu L không đồng ý nên vẫn giữ nguyên số tiền như đã thống nhất ban đầu là 60.000CNY. Lúc này, T và V bàn bạc với nhau nếu không tăng tiền chi phí thì vẫn tiến hành việc môi giới hôn nhân cho những người Trung Quốc nhưng sẽ không làm đầy đủ thủ tục, giấy tờ để đăng ký kết hôn như đã thỏa thuận, T sẽ bố trí địa điểm, người đóng giả người thân của những cô gái đưa ra gặp mặt người Trung Quốc để những người Trung Quốc đưa tiền rồi sẽ chiếm đoạt số tiền này.

Về phía bố trí những cô gái đưa ra gặp mặt những người đàn ông Trung Quốc thì Vi Thị V đã liên hệ với các em gái ruột của mình và bạn của em gái gồm: Vi Thị D, Vi Thị Ng, Vi Thị Ng1 và Hoàng Thị Kh, V bảo những người này lên Lào Cai để thực hiện việc giả vờ môi giới hôn nhân cho những người Trung Quốc. Sau khi T và V bố trí được địa điểm, con người để gặp mặt thì V trực tiếp liên hệ với Trần Tiểu L thống nhất thời gian gặp mặt tại Việt Nam, cụ thể:

Ngày 04/4/2024, Trần Tiểu L đưa Hoàng Chung S1 sang Việt Nam qua Cửa khẩu quốc tế Lào Cai được Vi Thị V và Lương Văn T đón và đưa về xã SH, huyện BT thuê nhà nghỉ ở đó. Tại đây, V, T cho Hoàng Chung S1 xem mặt Vi Thị D, sau khi xem mặt xong S1 đồng ý lấy D và muốn đến gặp người thân trong gia đình D. Lương Văn T đã đến gặp chị Hoàng Thị C (sinh năm 1971, trú tại: thôn C 1, xã CC, huyện BY) mượn nhà để đưa người đến chơi và quay phim chụp ảnh và nhờ một người đàn ông không quen biết lúc đó đi ngoài đường vào nhà ngồi một lúc với vai trò làm bố của D (*nhưng T không nói cho người đàn ông này biết, vì khi nói chuyện đều nói tiếng Trung Quốc*). Khi bố trí xong thì V đưa Trần Tiểu L, Hoàng Chung S1 và Vi Thị D đến địa điểm đã bố trí trên, sau khi hai bên nói chuyện với nhau và thống nhất xong thì T yêu cầu S1 đưa tiền sính lễ cho nhà gái, Sơn đặt số tiền 20.000CNY lên mặt bàn, T cầm tiền cất đi rồi đưa L, S1 về xã XG, huyện BT thuê nhà nghỉ Hùng Mai cho S1 nghỉ đợi V, T làm thủ tục kết hôn cho S1. Khoảng mấy ngày sau thì T và V đến nhà nghỉ này đề nghị S1 đưa tiếp 10.000CNY để làm thủ tục và giấy tờ đăng ký kết hôn.

Tương tự như trên, trong những ngày 11, 12, 16/4/2024 tiếp theo Thịnh Vân H3, Phương Vũ Q và Hoàng Dịch K đều sang Việt Nam qua đường Cửa khẩu quốc tế Lào Cai để gặp và xem mặt những người phụ nữ Việt Nam, cụ thể: Phương Vũ Q xem mặt Hoàng Thị Kh; Hoàng Dịch K xem mặt Vi Thị Ng; Thịnh Vân H3 xem mặt Vi Thị Ng1. Sau khi xem mặt xong cả ba người đều đồng ý lấy Kh, Ng, Ngh1 về làm vợ và muốn đến ra mắt gia đình nhà gái để bàn chuyện. Lương Văn T đã bố trí địa điểm, con người cụ thể như sau:

- Đối với Phương Vũ Q và Thịnh Vân H3: Ngày 13/4/2024, T mượn nhà của chị Chảo Mùi N (sinh năm 1984, trú tại: thôn TL, huyện BT, tỉnh Lào Cai) để đưa Q, H3, L đến chơi và quay phim, chụp ảnh. Do gia đình chị N có hai nhà nên T đã bố trí đưa Phương Vũ Q đến thăm gia đình của Hoàng Thị Kh trước, sau khi đặt vấn đề xong thì T tiếp tục đưa Thịnh Vân H3 đến thăm gia đình Vi Thị Ng1. Cũng tương tự như trên, T yêu cầu Q và H3 mỗi người đưa 20.000CNY tiền sính lễ cho T, T trả cho chị Chảo Mùi N số tiền mượn nhà 1.000.000 đồng. Sau đó, T đưa mọi người về nhà nghỉ Hùng Mai để ở. Mấy ngày sau đó, T và V đến nhà nghỉ Hùng Mai lấy thêm của Q và H3 mỗi người 10.000CNY để làm thủ tục giấy tờ đăng ký kết hôn.

- Đối với Hoàng Dịch K: Ngày 17/4/2024, T mượn nhà của chị Trần Thị V (sinh năm 1984, trú tại: thôn MĐ, xã TN, huyện BT) để đưa K, L đến chơi quay phim, chụp ảnh và thuê ông Hoàng Văn Th (sinh năm 1961, trú tại: thị trấn PL, huyện BT, tỉnh Lào Cai) làm nghề chạy xe ôm đóng vai bố của Vi Thị Ng; thuê Nguyễn Hải H4 (sinh năm 2006, con trai chị V) đóng giả là em trai của Vi

Thị Ng. Sau khi chào hỏi, ra mắt xong thì Hoàng Dịch K đưa 20.000CNY tiền sinh lễ theo yêu cầu của T cho ông Hoàng Văn Th, ông Th đã đưa lại cho T và T có trả cho ông Thạch số tiền 500.000 đồng và cho Nguyễn Hải H4 số tiền 1.000.000 đồng tiền công. Sau đó T đưa mọi người về nhà nghỉ Hùng Mai để ở. Khoảng mấy ngày sau T và V đến nhà nghỉ Hùng Mai để lấy thêm 10.000CNY để làm thủ tục giấy tờ đăng ký kết hôn.

Tiếp đó T, V bố trí đưa S1, Q, K, H3 và D, Kh, Ng, Ng1 đi chơi ở thị xã SP; đưa các cặp đôi đến hiệu vàng bạc Hiệu Thảo ở tổ dân phố số 3 thị trấn PL, huyện BT để mua vàng tặng cô dâu, cụ thể: Hoàng Chung S1 mua cho Vi Thị D một nhẫn vàng 02 chỉ 9999; Hoàng Dịch K, Thịnh Vân H3, Phương Vũ Q đều mua cho Vi Thị Ng, Vi Thị Ng1, Hoàng Thị Kh mỗi người một nhẫn vàng 03 chỉ 9999. Tuy nhiên, sau khi ra về thì D quay lại hiệu vàng bán nhẫn 02 chỉ được 14.640.000 đồng; còn Ng, Ng1, Kh quay lại bán nhẫn 03 chỉ mỗi người được 21.690.000 đồng.

Ngày 22/4/2024, Lương Văn T và Vi Thị V đến nhà nghỉ Hùng Mai gặp và nói với Trần Tiểu L cùng Q, S1, H3, K là sẽ tổ chức lễ cưới cho cả 04 người vào cùng ngày 24/4/2024 và yêu cầu mỗi người phải đưa thêm số tiền 10.000CNY để tổ chức lễ cưới và được họ đồng ý. Tối ngày 23/4/2024, T và V thông báo cho Trần Tiểu L và bốn người Trung Quốc chuẩn bị đồ đạc để chuyển đến gần địa điểm làm lễ cưới. T có thuê Tạ Duy T4 (sinh năm 1983, trú tại: TDP số 1, thị trấn PL, huyện BT, tỉnh Lào Cai) đến đón L và bốn người đàn ông Trung Quốc đưa về thành phố YB, tỉnh Yên Bái thuê nhà nghỉ cho họ ở đó còn T, V bỏ về thành phố LC không thực hiện việc tổ chức lễ cưới như đã nói. Sau khi chiếm đoạt được tổng số tiền 160.000CNY của Q, S1, K, H3 thì Lương Văn T đã đổi sang tiền Việt Nam đồng được 520.000.000 đồng rồi chuyển vào tài khoản của Vi Thị V tổng số tiền 288.300.000 đồng và chuyển cho Vi Thị D số tiền 35.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 196.700.000 đồng T đã chi tiêu cá nhân. Đối với số tiền 288.300.000 đồng Vi Thị V nhận được từ T, V đã chuyển khoản cho Vi Thị Ng1 31.600.000 đồng; chuyển cho Vi Thị Ng 31.660.000 đồng; chuyển cho Hoàng Thị Kh 20.000.000 đồng; số tiền còn lại Vi Thị V quản lý và chi tiêu cá nhân.

Sáng ngày 24/4/2024, Trần Tiểu L cùng Q, S1, H3, K phát hiện không thấy T và V đâu, gọi điện không liên lạc được nên đã làm đơn tố giác gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai. Quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số 53/CT-VKST-P2 ngày 18/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai đã truy tố các bị cáo Lương Văn T, Vi Thị V về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Truy tố các bị cáo Vi Thị D, Vi Thị Ng, Vi Thị Ng1, Hoàng Thị Kh về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã được nêu ở trên và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu lời luận tội và tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lương Văn T, Vi Thị V, Vi Thị D, Vi Thị Ng, Vi Thị Ng1, Hoàng Thị Kh phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 38; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lương Văn T từ 07 (bảy) năm tù đến 08 (tám) năm tù.

Xử phạt bị cáo Vi Thị V từ 07 (bảy) năm tù đến 08 (tám) năm tù.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Vi Thị D từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo Vi Thị Ng từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo Vi Thị Ng1 từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Kh từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại, bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Về vật chứng: Hủy bỏ Lệnh phong tỏa tài khoản số 442/LPT-CSHS ngày 29/8/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai đối với số tiền 36.382.000 đồng và lãi phát sinh có trong tài khoản số 19036493743010 tại Ngân hàng (Techcombank) Chi nhánh tỉnh Yên Bái của bị cáo Lương Văn T. Trả lại cho bị cáo số tiền trên và 01 chiếc điện thoại di động của bị cáo. Hủy bỏ Lệnh phong tỏa tài khoản số 443/LPT-CSHS ngày 29/8/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai đối với số tiền 81.987.803 đồng và lãi phát sinh có trong tài khoản số 812345671997 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội (MB) Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh của bị cáo Vi Thị V. Trả lại cho bị cáo số tiền trên và 01 chiếc điện thoại di động của bị cáo.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết, xử lý theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Lương Văn T trình bày lời bào chữa: Nhất trí với tội danh và Điều luật do Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 54 của Bộ luật hình sự để tuyên mức án phù hợp đối với bị cáo. Trả lại cho bị cáo số tiền đang bị phong tỏa và 01 chiếc điện thoại di động.

Người bào chữa cho bị cáo Vi Thị V trình bày lời bào chữa: Nhất trí với tội danh và Điều luật do Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án 07 (bảy) năm tù. Trả lại cho bị cáo số tiền đang bị phong tỏa và 01 chiếc điện thoại di động.

Người bào chữa cho bị cáo Vi Thị D trình bày lời bào chữa: Nhất trí với tội danh và Điều luật do Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo Vi Thị Ng trình bày lời bào chữa: Nhất trí với tội danh và Điều luật do Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo Vi Thị Ng1 trình bày lời bào chữa: Nhất trí với tội danh và Điều luật do Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ căn cứ để khẳng định: Bằng thủ đoạn gian dối thông qua hình thức môi giới hôn nhân để “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” của những người đàn ông Trung Quốc muốn lấy các cô gái người Việt Nam để làm vợ, bị cáo Lương Văn T đã bố trí địa điểm, người đóng giả người thân của những cô gái đưa ra gặp mặt những người Trung Quốc, bị cáo Vi Thị V đã liên hệ với các em gái ruột của mình và bạn của em gái gồm: Vi Thị D, Vi Thị Ng, Vi Thị Ng1 và Hoàng Thị Kh, V bảo những người này lên Lào Cai để thực hiện việc giả vờ môi giới hôn nhân cho những người Trung Quốc. Sau đó bị cáo V trực tiếp liên hệ với Trần Tiểu L thống nhất thời gian gặp mặt tại Việt Nam. Sau khi xem mặt và họ đồng ý lấy làm vợ, bị cáo Lương Văn T đã yêu cầu mỗi bị hại phải đưa tiền sinh lễ là 20.000CNY, tiếp theo đó bị cáo T và bị cáo V đã yêu cầu mỗi bị hại phải đưa thêm 20.000CNY bao gồm 10.000CNY tiền tổ chức đám cưới, 10.000CNY tiền làm thủ tục đăng ký kết hôn. Khi các bị hại đã đưa đủ tiền cho các bị cáo thì các bị cáo đã đưa bị hại xuống thành phố YB thuê nhà nghỉ cho họ nghỉ, còn các bị cáo bỏ về và chặn điện thoại không liên lạc với các bị hại nữa. Với phương thức thủ đoạn gian dối như đã nêu ở trên, các bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại người Trung Quốc là Hoàng Chung S1, Phương Vũ Q, Thịnh Văn H3, Hoàng Dịch K với tổng số tiền là 160.000CNY tương đương 535.360.000 đồng tiền Việt Nam. Bị cáo Lương

Văn T, Vi Thị V là người trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tất cả số tiền trên. Các bị cáo còn lại là Vi Thị D, Vi Thị Ng, Vi Thị Ng1, Hoàng Thị Kh tham gia với vai trò đồng phạm trong việc chiếm đoạt số tiền 20.000CNY (tương đương 66.920.000 đồng), mà từng bị hại đã đặt tiền sinh lễ cho từng bị cáo. Số tiền 20.000CNY mà bị cáo T, V yêu cầu các bị hại đưa thêm để làm đám cưới, làm thủ tục kết hôn thì các bị cáo D, Ng, Ng1, Kh không biết và không tham gia cùng bị cáo T và bị cáo V. Hành vi của các bị cáo Lương Văn T, Vi Thị V đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” với tình tiết định khung “*Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*”, theo quy định tại điểm a khoản 4 điều 174 của Bộ luật hình sự. Hành vi của các bị cáo Vi Thị D, Vi Thị Ng, Vi Thị Ng1, Hoàng Thị Kh đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” với tình tiết định khung “*Chiếm đoạt tài sản trị giá 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*”, theo quy định tại điểm c khoản 2 điều 174 của Bộ luật hình sự.

Đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn. Khi nghe thấy bị cáo Vi Thị V nói chuyện về việc có người đàn ông Trung Quốc muốn lấy vợ người Việt Nam, bị cáo Lương Văn T là người nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của những người đàn ông Trung Quốc, sau đó bị cáo đã bàn bạc với bị cáo V cách thức làm thế nào để lấy được tiền của người bị hại, bị cáo đã thuê địa điểm, thuê người đóng giả làm người thân của những cô gái đưa ra cho bị hại xem mặt, sau đó yêu cầu họ phải đưa tiền sinh lễ, tiền tổ chức đám cưới, tiền làm thủ tục đăng ký kết hôn. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm với vai trò chính trong vụ án. Bị cáo Vi Thị V sau khi nghe bị cáo T bàn bạc về việc chiếm đoạt tiền của các bị hại, bị cáo đã tiếp nhận ý chí và thực hành tích cực bằng việc gọi các em gái và bạn của em gái của mình lên Lào Cai cùng nhau thực hiện tội phạm. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm đứng thứ hai sau bị cáo T. Các bị cáo D, Ng, Ng1, Kh tham gia đồng phạm với từng bị hại riêng lẻ (đóng vai cho từng người đàn ông Trung Quốc xem mặt). Vì vậy, các bị cáo là người thực hành sau bị cáo V và bị cáo T.

[2.1]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lương Văn T, Vi Thị V phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, đó là “*Phạm tội 02 lần trở lên*”. Các bị cáo còn lại không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[2.2]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tất cả các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, đó là “*Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại*”; “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự là Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Riêng bị cáo Lương Văn T có ông ngoại là Nguyễn Bá Th1 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến thắng hạng ba.

[3]. Về hình phạt chính: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo thật nghiêm khắc để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Trước khi phạm tội lần này, các bị cáo đều có nhân thân tốt, không bị xử phạt hành chính, không bị kết án về hành vi vi phạm pháp luật. Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1]. Đối với các bị cáo Lương Văn T, Vi Thị V có đủ điều kiện được áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự để xem xét một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, đề nghị của Kiểm sát viên, người bào chữa cho các bị cáo là có căn cứ được chấp nhận.

[3.2]. Đối với các bị cáo Vi Thị D, Vi Thị Ng, Vi Thị Ng1, Hoàng Thị Kh: Xét thấy không cần bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù thì các bị cáo cũng có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy, đề nghị của Kiểm sát viên, người bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự, cho các bị cáo được hưởng án treo là có căn cứ được chấp nhận.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có tài sản và thu nhập ổn định, nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại đã nhận được đầy đủ số tiền mà các bị cáo đã bồi thường và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về xử lý vật chứng: Về số tiền và điện thoại di động của các bị cáo Lương Văn T, Vi Thị V hiện đang bị tạm giữ cần trả lại cho các bị cáo, vì những vật chứng này không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Lương Văn T, Vi Thị V, Vi Thị D, Vi Thị Ng, Vi Thị Ng1, Hoàng Thị Kh phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, 58; Điều 38; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Văn T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 24/6/2024.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, 58; Điều 38; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vi Thị V 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 24/6/2024.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vi Thị D 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án

sơ thẩm. Giao bị cáo Vi Thị D cho Ủy ban nhân dân xã PS, huyện SD, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vi Thị Ng 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Vi Thị Ng cho Ủy ban nhân dân xã PS, huyện SD, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vi Thị Ng1 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Vi Thị Ng1 cho Ủy ban nhân dân xã PS, huyện SD, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Kh 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Hoàng Thị Kh cho Ủy ban nhân dân xã BĐ, huyện LN, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 106; điểm d khoản 1 Điều 130 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị cáo Lương Văn T: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 ProMax màu xám, có số IMEI 1: 356103503115828; số IMEI 2: 356103503468128, bên trong lắp 01 sim điện thoại cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chi tiết bên trong.

- Trả lại cho bị cáo Vi Thị V: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 ProMax tối màu, máy có số seri: C7DYVP6QKC. Điện thoại cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chi tiết bên trong.

(Những vật chứng nêu trên được mô tả theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng số 11 ngày 18/11/2024, giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai).

- Hủy bỏ Lệnh phong tỏa tài khoản số 442/LPT-CSHS ngày 29/8/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai đối với số tiền 36.382.000 đồng và lãi phát sinh có trong tài khoản số 19036493743010 tại Ngân hàng Techcombank chi nhánh tỉnh Yên Bái của bị cáo Lương Văn T.

- Hủy bỏ Lệnh phong tỏa tài khoản số 443/LPT-CSHS ngày 29/8/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai đối với số tiền 81.987.803 đồng và lãi phát sinh có trong tài khoản số 812345671997 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội chi nhánh tỉnh Lào Cai của bị cáo Vi Thị V. Trả lại cho bị cáo Vi Thị V số tiền 81.987.803 đồng, hiện đang được gửi tại tài khoản của Phòng Cảnh sát

hình sự Công an tỉnh Lào Cai số 394909051207 mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Lào Cai.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Lương Văn T, Vi Thị V, Vi Thị D, Vi Thị Ng, Vi Thị Ng1, Hoàng Thị Kh, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người đại diện theo uỷ quyền của người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh;
- CQCSĐT Công an tỉnh;
- CQTHAHS Công an tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- PV 27 Công an tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Đại diện bị hại;
- NCQLNVLQ;
- UBND xã PS;
- UBND xã BD;
- THA Tòa án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Toàn

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN**

Nguyễn Xuân Lập

THẨM PHÁN

Vũ Đức Chung

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sân Quang Sơn

Trương Quyết Thắng

Phạm Ngọc Toàn